TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2023/ HNGĐ-ST
Ngày: 12/7/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ- TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Cát Tưởng

Bà Hoàng Thị Hạnh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 245/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Tào Văn T, sinh năm 1978

Bị đơn: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1975

Cùng HKTT: Phố 3, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh T, vắng mặt chị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Tào Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2004 tại UBND xã H, huyện H (nay là thành phố H), tỉnh Thanh Hóa. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm và cách sống không phù hợp, trái ngược nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung khiến cuộc sống ngột ngạt, căng thẳng và thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Th.

- Về con chung: Anh và chị Lê Thị Th có 02 con chung là cháu Tào Thị Mỹ D, sinh ngày 20/10/2004 và cháu Tào Văn Th, sinh ngày 19/9/2009. Nguyện vọng của anh khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th, không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu D hiện nay đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn là chị Lê Thị Th và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Triệu tập chị Th đến Toà án để tự khai cũng như tham gia phiên họp và hoà giải. Mặc dù được giao các thông báo hợp lệ nhưng chị Th không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh T.

Toà án đã lập biên bản về việc đương sự vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Toà án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Tại biên bản xác minh do địa phương cung cấp thể hiện: Anh T và chị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận. Đến đầu năm 2022 thì anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Th thường xuyên gây sự, chửi bới, cãi vã với anh T, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chính quyền địa phương đã tham gia khuyên giải nhưng không có kết quả. Hiện tại chị Th và anh T vẫn sinh sống tại ngôi nhà cấp 4 mượn của anh trai anh Thiện ở phố 3, phường T. Nay anh T có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ thời điểm thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn: Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn nhưng chị Th không chấp hành nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28,35,39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Tào Văn T đối với chị Lê Thị Th. Về con chung: Giao cháu Th cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; Còn cháu D đã thành niên nên không giải quyết.

Về tài sản: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là chị Lê Thị Th vắng mặt tại phiên tòa, chị Th đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Anh T đề nghị Toà án tiến hành xét xử vụ án, nên Toà án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt chị Th là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh Tào Văn T và chị Lê Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải và chính quyền địa phương nơi cư trú can thiệp nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện.

Theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chung xây cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây anh T không còn tình cảm với chị Th; Hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích, động viên anh T nên suy nghĩ kỹ trước khi quyết định việc ly hôn nhưng anh T vẫn cương quyết xin ly hôn chị Th. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị Th nhiều lần để hòa giải nhưng chị Th vẫn vắng mặt, chứng tỏ chị Th không có thiện chí để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân giữa hai vợ chồng không đạt được. Do đó nếu buộc anh, chị về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng không thể cải thiện được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh Tào Văn T về việc xin ly hôn chị Lê Thị Th.

[3] Về con chung: Anh T và chị Th có 02 con chung là cháu Tào Thị Mỹ D, sinh ngày 20/10/2004 và cháu Tào Văn Th, sinh ngày 19/9/2009. Nguyện vọng của anh T khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th, không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu D hiện nay đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, cháu Tào Văn Th khai: Chuyện tình cảm của bố mẹ cháu, cháu không can thiệp được, bố mẹ cháu thường xuyên cãi vã nhau. Nếu bố mẹ cháu phải ly hôn, không chung sống cùng nhau thì cháu xin được ở với bố.

Xét thấy: Chị Th không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên hòa giải, không có ý kiến về con chung. Để đảm bảo cuộc sống, sinh hoạt, học tập cũng như nguyện vọng chính đáng của cháu Th, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T.

Giành cho chị Lê Thị Th quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn nếu có yêu cầu.

[4] Về tài sản: Anh T không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử: - Về hôn nhân: Anh Tào Văn T được ly hôn chị Lê Thị Th.

- Về con chung: Công nhận anh T và chị Th có 02 con chung là cháu Tào Thị Mỹ D, sinh ngày 20/10/2004 và cháu Tào Văn Th, sinh ngày 19/9/2009. Giao cháu Tào Văn Th cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; Chị Th không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Cháu Tào Thị Mỹ D đã thành niên nên không xem xét.

Chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Chị Th có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn nếu có yêu cầu.

- Về tài sản: Anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Anh Tào Văn T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0002873 ngày 22/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Anh T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Trương Thị Anh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TP H;
- Chi cục THA - TP H;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ .